

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ.ST
Ngày: 23/4/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Trí
2. Ông Võ Thành Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C:** Ông Trần Bảo Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST- HN ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Minh T**; sinh năm: 1996. Địa chỉ: 435 khu vực H1, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Đoàn Khánh D**; sinh năm: 1994. Địa chỉ: 96B khu vực H, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Đoàn Khánh D chung sống vào năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến sau khi bà sinh con thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau; mâu thuẫn gay gắt kéo dài đến tháng 3/2020 thì ly thân cho đến nay. Nay tình cảm không còn, bà không thể nào tiếp tục chung sống với ông D được nữa nên yêu cầu xin được ly hôn.

Do bà bận đi làm xa, không thể xin nghỉ làm nhiều lần được nên bà có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Đoàn Khánh N (nữ), sinh ngày 04/01/2019. Hiện con đang sống chung với ông D. Bà đồng ý giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con **1.500.000đ/tháng**.

- *Về tài sản chung và nợ*: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đoàn Khánh D vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Đoàn Khánh D cho rằng: ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn; sau đó, bà T đã bỏ nhà đi khoảng hơn 01 năm nay. Trong khoảng thời gian này, bà T thường tránh mặt và chặn mọi liên lạc điện thoại với ông. Nay ông còn thương vợ con nhưng do bà T kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: có 01 con chung là Đoàn Khánh N, ông yêu cầu tiếp tục nuôi con. Không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà T kiên quyết ly hôn, ông D không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; do đây là quan hệ nhân thân của các bên và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông D cũng đồng ý ly hôn; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông D.

+ Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Đoàn Khánh N (nữ), sinh ngày 04/01/2019. Hiện con đang sống chung với ông D. Bà T đồng ý giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con **1.500.000đ/tháng**. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ: cả hai xác định không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Minh T và ông Đoàn Khánh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp,

được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 01 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà T yêu cầu ly hôn; còn ông D, xét thấy, trong khoảng thời gian kể từ khi ly thân đến khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay, ông D vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại; ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, ông D không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ và đồng thời cũng đồng ý ly hôn với bà T. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông D là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Có 01 (một) con chung tên Đoàn Khánh N (nữ), sinh ngày 04/01/2019. Hiện con đang sống chung với ông D. Ông D yêu cầu tiếp tục nuôi con; bà T đồng ý giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, để tạo điều kiện cho con phát triển ổn định về mặt tinh thần và việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con được thuận lợi; cần giao con cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con **1.500.000đ/tháng**, kể từ khi bản án có hiệu lực, đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và không trái pháp luật nên ghi nhận.

Do bà T không trực tiếp nuôi con nên dành quyền thăm nom con chung cho bà T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ*: cả hai xác định không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu **300.000đ** án phí tranh chấp hôn nhân gia đình và **300.000đ** án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Minh T.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** cho bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Đoàn Khánh D.

2. **Về con chung:**

Có 01 (một) con chung tên Đoàn Khánh N (nữ), sinh ngày 04/01/2019.

Giao con cho ông Đoàn Khánh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con **1.500.000đ** (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Trần Thị Minh T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ:** không giải quyết.

Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Trần Thị Minh T phải chịu **300.000đ** án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình và **300.000đ** án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; tổng cộng, bà T phải chịu **600.000đ** án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp **300.000đ** theo biên lai số 006633 ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà T còn phải nộp thêm **300.000đ** án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bị đơn, kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với nguyên đơn; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:**

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- **UBND X. Quới Thiện, H. Vũng Liêm, VL.**
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị T Trang